Mẫu (Form) NA5
Kèm theo Thông tư số 70/2026/TT-BCA
ngày 25 tháng 5 năm 2026

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC, GIA HẠN TẠM TRÚ (1)
APPLICATION FORM FOR VISA ISSUANCE, STAY EXTENSION
Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú ở Việt Nam
For temporary residence foreigners in Viet Nam

I. Người đề nghị:
Applicant

1. Họ tên (chữ in hoa): .....
Full name (in capital letters)
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ 3. Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Sex Male Female Date of birth (Day, Month, Year)
4. Quốc tịch gốc: ..... 5. Quốc tịch hiện nay (2): .....
Nationality at birth Current nationality
6. Nghề nghiệp/chức vụ: .....
Occupation/position
7. Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số: ..... loại (3): .....
Passport or International Travel Document Number Type
Cơ quan cấp: .....có giá trị đến ngày: ...../...../.....
Issuing authority Expiry date (Day, Month, Year)
8. Nhập cảnh Việt Nam gần nhất ngày: ...../...../..... qua cửa khẩu: ….....
Date of the latest entry into Viet Nam (Day, Month, Year) via Viet Nam's border gate
Mục đích nhập cảnh: .....
Purpose of entry
9. Được phép tạm trú đến ngày: ...../...../.....
Permitted to stay until (Day, Month, Year)
Địa chỉ tạm trú tại Việt Nam: .....
Temporary residential address in Viet Nam
10. Điện thoại liên hệ/Email.....
Contact telephone number/Email

II. Cơ quan/tổ chức hoặc thân nhân ở Việt Nam mời, bảo lãnh:
Hosting organization/family relative in Viet Nam

1. Tên cơ quan, tổ chức: ……
Name of hosting organization
Địa chỉ:.....
Address
Điện thoại liên hệ/Email:.....
Contact telephone number/Email
2. Thân nhân bảo lãnh (Họ tên): .....
Hosting family relative (full name)
Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Date of birth (Day, Month, Year)
Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu số: .....
Citizen identity card/ Identity card/Passport number
Cấp ngày: ...../...../.....Cơ quan cấp: .....
Issuing date (Day, Month, Year) Issuing authority
Thẻ thường trú/Thẻ tạm trú số (4): .....
Permanent or Temporary Resident Card number
Ngày cấp: ...../...../.....Cơ quan cấp: …… .....
Issuing date (Day, Month, Year) Issuing authority
Quan hệ với người đề nghị: .....(5)
Relationship to the applicant

Địa chỉ thường trú/tạm trú tại Việt Nam: .....
Permanent/temporary residential address in Viet Nam
Điện thoại liên hệ/Email: .....
Contact telephone number/Email

III. Nội dung đề nghị:

Requests

1. Cấp thị thực: một lần ☐ nhiều lần ☐ có giá trị đến ngày: ...../...../.....
To issue a visa Single Multiple Valid to (Day, Month, Year)
2. Gia hạn tạm trú đến ngày: ...../...../.....
To extend the duration of temporary stay until (Day, Month, Year)
3. Lý do: .....
Reason(s)

IV. Những điều cần trình bày thêm:

Additional statements

.....
.....

Làm tại …….. ngày.....tháng..... năm.....
Done at ..... date (Day, Month, Year)

Xác nhận (6)	**Người bảo lãnh**	**Người đề nghị**
Certified by	***The sponsor***	***The applicant***
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)	(ký, ghi rõ họ tên)	(ký, ghi rõ họ tên)
Signature, full name, title and stamp	*Signature, full name*	*Signature, full name*

Ghi chú/*Notes:*

(1) Mỗi người khai 1 bản, kèm hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, nếu thuộc trường hợp cấp thị thực rời thì nộp kèm 01 ảnh mới chụp, cỡ 4cm x 6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, không đội mũ, không đeo kính, trang phục lịch sự.
Submit in person one completed application form enclosed with passport or International Travel Document, in case of issue separate visa, enclose 2 recently taken photos in 4cm x 6cm size, with white background, face looking straight, no hat, no glasses, polite clothes.
(2) Theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (sửa đổ i, bổ sung năm 2014, năm 2025): "Trên lãnh thổ Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chỉ công nhận quốc tịch Việt Nam đối với công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài trong quan hệ với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.". Theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2023, năm 2025), công dân Việt Nam có nghĩa vụ: "Sử dụng giấy tờ xuất nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp để xuất cảnh, nhập cảnh.".
According to the provisions of Law on Vietnamese Nationality 2008 (amended and supplemented in 2014 and 2025) "Within the territory of Vietnam, the State of the Socialist Republic of Vietnam only recognizes Vietnamese nationality for Vietnamese citizens who also hold foreign nationality in relation to the competent authorities of Vietnam, except in cases where international treaties to which the Socialist Republic of Vietnam is a party provide otherwise.". According to the provisions of Law on entry and exit of Vietnamese citizens 2019 (amended and supplemented in 2023 and 2025), Vietnamese citizens have obligations: "Use entry and exit documents issued by competent agencies of Vietnam to make entry and exit.".
(3) Ghi rõ loại hộ chiếu phổ thông, công vụ, ngoại giao hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.
Specify type of passport: Ordinary, Official or Diplomatic; or specify name of the International Travel Document.
(4) Đối với trường hợp người nước ngoài bảo lãnh cho thân nhân.
In cases of foreigners sponsoring family members.
(5) Kèm theo giấy tờ chứng minh quan hệ.
Enclose documents proving the family relationship
(6) Trường hợp do cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh, hoặc người nước ngoài có thẻ tạm trú mời, bảo lãnh thì thủ trưởng cơ quan, tổ chức xác nhận.
Be certified by the head of the organization if the sponsor is an organization or a foreigner with Temporary Resident Card.